

UBND XÃ DẦU TIẾNG
TRƯỜNG MN ĐỊNH AN

KẾT QUẢ

Cân – đo và đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ
Thời điểm cân đo tháng 12 năm 2025

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

STT	Họ và tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	CN	CC	Tổng	Đánh giá tình trạng dinh dưỡng							PT BT		
								Suy dinh dưỡng					Thừa cân, béo phì				
								Thể nhẹ cân	Thể thấp còi độ 1	Thể thấp còi độ 2	Trong đó mắc SDD 2 thể	Thể gầy còm	Tổng	Thừa cân		Béo phì	
10	Nguyễn Huy Hoàng	23/12/2021	x		21	107.5											x
11	Hồ Ng Phúc Thịnh	17/3/2021	x		15.4	102											x
12	Tạ Kiều Ng Mạnh	20/2/2021	x		19.8	105.5											x
13	Vũ An Nhiên	5/10/2021		x	15	97.5											x
14	Nguyễn Thanh Tùng	22/8/2021	x		14.3	104											x
15	Hồ Lê Kim Ngân	13/10/2021		x	15.5	97											x
16	Nguyễn Tiểu My	18/4/2021		x	16	105											x
17	Nguyễn Tiên Tr An	25/10/2021	x		16	103											x
18	Lê Huyền My	15/11/2021		x	18.8	101.5											x
19	Nguyễn Thanh Quốc	15/6/2021	x		17	104.5											x
20	Châu Thanh Trúc	7/12/2021		x	16	100											x
21	Hoàng Gia Hân	10/11/2021		x	18.5	104.5											x
22	Trần Việt Anh	30/5/2021	x		19.5	111											x
23	Lê Vũ Bảo An	11/11/2021	x		19.2	102.5											x
24	Trần Ng Minh Châu	18/6/2021		x	14	91.5				x							
25	Nguyễn Thị An Nhiên	7/6/2021		x	32.5	110										x	
Lá 1							1		1				5		5	26	
1	Hoàng Phúc Lộc	15/01/2020	x		27	116										x	
2	Nguyễn Thị Ngọc Thơm	29/02/2020		x	16.5	108											x
3	Dương Tấn Đ Khôi	19/01/2020	x		18	113.5											x
4	Hà Vy	18/05/2020		x	23.8	118.5											x
5	Nguyễn H Đ Khôi	27/11/2020	x		15.8	105											x
6	Nguyễn Nhật Linh	30/03/2020		x	15.8	101.5			x								

[illegible]

STT	Họ và tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	CN	CC	Tổng	Đánh giá tình trạng dinh dưỡng							PT BT		
								Suy dinh dưỡng					Thừa cân, béo phì				
								Thể nhẹ cân	Thể thấp còi độ 1	Thể thấp còi độ 2	Trong đó mắc SDD 2 thể	Thể gầy còm	Tổng	Thừa cân		Béo phì	
Lá 2							3	2				1	3	2	1	15	
1	Phạm Thùy My	04/12/2020		x	19.4	106.5											x
2	Lê Diệp Kim Ngân	26/11/2020		x	14.4	106											x
3	Lê Thanh Trà	24/11/2020		x	17.9	105.5											x
4	Nguyễn Ngọc An Nhiên	31/08/2020		x	20.6	111											x
5	Nguyễn Tố Tâm	10/08/2020		x	16	102											x
6	Nguyễn Ngọc Hương	05/02/2020		x	23	114.5								x			
7	Lê Hoàng Phát	15/02/2020	x		21	112.5											x
8	Nguyễn Thanh Đức	21/09/2020	x		15.2	102											x
9	Hồ Lam Trà	11/07/2020		x	19.5	106.5											x
10	Hà Lê Mẫn Nhi	12/05/2020		x	27	121								x			
11	Nguyễn Đăng Khoa	09/07/2020	x		19.6	109											x
12	Vũ An Khang	19/03/2020	x		31	114.5										x	
13	Nguyễn Thị Ng Hân	11/07/2020		x	16	106.5											x
14	Đỗ Hà Vy	12/05/2020		x	21	113.5											x
15	Bùi Nhật Hoàng	20/02/2020	x		14.5	109		x				x					
16	Vũ Thị Thu Thảo	05/05/2020		x	16.8	109											x
17	Lê Thiên Phúc	03/01/2020	x		18.1	109											x
18	Dương Thị Thảo Vân	01/09/2020		x	16	107											x
19	Nguyễn Cẩm Vân	12/10/2020		x	13.5	101.5		x									x
20	Nguyễn Trung Tính	22/06/2020	x		18.8	112											x
21	Dương Anh Tuấn	12/11/2020	x		20	110											x
Tổng							12	2	7	1	1	1	18	10	8		152

Ghi chú: - Trẻ SDD thể nhẹ cân: 2/182 trẻ tỷ lệ: 1.09%
- Trẻ SDD thể thấp còi độ 1: 7/182 trẻ tỷ lệ: 3.84%
- Trẻ SDD thể thấp còi độ 2: 1/182 trẻ tỷ lệ: 0.54%
- Trẻ SDD 2 thể: 1/182 trẻ tỷ lệ: 0.54%
- Trẻ SDD thể gầy còm: 1/182 trẻ tỷ lệ: 0.54%
- Trẻ Béo phì: 8/182 trẻ tỷ lệ: 4.39%
- Trẻ thừa cân: 10/182 trẻ tỷ lệ: 5.49%
- Trẻ bình thường: 152/182 trẻ tỷ lệ: 83.51%

P. HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Y Tế



Nguyễn Thị Trang